

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 16

Ngày 26/4/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

1. Chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tối đa 50 năm.
2. Trưởng thôn được hưởng phụ cấp từ 3,0 đến 5,0 lần mức lương cơ sở/tháng.
3. Thiết bị đã qua sử dụng được phép nhập khẩu không vượt quá 10 năm tuổi.
4. Kế hoạch thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.
5. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.
6. Kiên quyết thu hồi các dự án triển khai chậm, đất để hoang.
7. Quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Quyết định Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Xin hỏi, hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý bao gồm những gì?
2. Quy trình nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý như thế nào?
3. Những trường hợp nào không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý?
4. Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại đối với những hành vi nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỐI ĐA 50 NĂM

Ngày 23/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2019/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 17/6/2019 này quy định mọi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đều được nhà nước giao cho đối tượng quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải tuân theo cơ chế thị trường và có hiệu quả. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản

phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Nhà nước đầu tư, quản lý (không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản, gồm: Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường bộ; ở địa phương là cơ quan giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường bộ; UBND quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; UBND xã, phường, thị trấn.

Nghị định quy định rõ việc chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng, thời hạn của hợp đồng do các bên thỏa thuận nhưng tối đa không quá 50 năm. Các bên giao kết hợp đồng có thể điều chỉnh hợp đồng trong trường hợp doanh thu từ hoạt động khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tăng hoặc giảm liên tục 03 năm liên với mức trên 10%/năm.

Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng phải thanh toán tiền chuyển nhượng cho cơ quan quản lý tài sản

trong 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Số tiền này được cơ quan quản lý tài sản nộp vào sổ tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền. Nếu doanh nghiệp không thanh toán đúng hạn thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của cơ quan quản lý thuế.

2. TRƯỞNG THÔN ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP TỪ 3,0 ĐẾN 5,0 LẦN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ/THÁNG

Ngày 24/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 25/6/2019, theo đó, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận. Người tham gia công việc ở thôn ngoài 03 chức danh nêu trên không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng.

Nghị định cũng có quy định mới về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Cụ thể làngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với

người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố. Riêng đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 lần mức lương cơ sở.

Cán bộ cấp xã đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng được hưởng thêm một khoản phụ cấp bằng 100% mức lương bậc 1 của chức danh hiện đang đảm nhiệm và không phải đóng BHXH, BHYT (trước đây chỉ được hưởng 90%). Cán bộ, công chức cấp xã đã được xếp lương theo một trong các ngạch công chức hành chính, sau đó có thay đổi về trình độ đào tạo phù hợp với chức danh đảm nhiệm thì được xếp lương theo trình độ đào tạo, kể từ ngày được cấp bằng tốt nghiệp (quy định mới). Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định, thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gồm 50% mức lương bậc 1 + phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức danh kiêm nhiệm (trước đây chỉ được 20% mức lương hiện hưởng).

3. THIẾT BỊ ĐÃ QUA SỬ DỤNG ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG VƯỢT QUÁ 10 NĂM TUỔI

Ngày 19/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2019.

Cụ thể, đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau: tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm tuổi; phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; trường hợp không có QCVN liên quan đến máy móc, thiết bị nhập khẩu thì máy móc, thiết bị nhập khẩu phải được sản xuất phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của TCVN hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung tài liệu sau: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của doanh nghiệp, trường hợp nhập khẩu theo ủy thác thì phải có văn bản ủy thác nhập khẩu; bản chính giấy xác nhận của nhà sản xuất máy móc, thiết bị về năm sản xuất và tiêu chuẩn của máy móc, thiết bị đáp ứng các tiêu chí quy định trong trường hợp máy móc, thiết bị được sản xuất tại quốc gia thuộc các nước G7, Hàn Quốc, Giấy xác nhận phải được hợp pháp

hóa lãnh sự và kèm bản dịch sang tiếng Việt; Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định đáp ứng các yêu cầu quy định trong trường hợp máy móc, thiết bị được sản xuất tại quốc gia không thuộc các nước G7, Hàn Quốc. Trình tự thủ tục nhập khẩu: doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định về cơ quan hải quan, nơi đăng ký tờ khai hải quan; cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thông quan theo quy định khi hồ sơ nhập khẩu và tài liệu đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phải có chứng thư giám định thì trong chứng thư giám định phải có kết luận máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu quy định.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong hoạt động quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; chỉ định, thừa nhận tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; thanh tra, kiểm tra hoạt động giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của các tổ chức giám định được chỉ định, thừa nhận theo quy định pháp luật. Công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do

lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

4. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Ngày 22/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 451/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Nhiệm vụ cơ bản của Kế hoạch là xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị định; triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; tổ chức quán triệt, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Kế hoạch này. Cụ thể, đối với các cơ quan thông tấn báo chí phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của bộ, cơ quan, địa phương; tuyên truyền các quy định về chế độ báo cáo đến các đối tượng thực hiện báo cáo bằng các nội dung liên quan được tổ chức tuyên truyền, phổ biến với các hình thức khác nhau phù hợp với từng loại đối tượng.

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo định mức các cơ quan quản lý nhà nước của bộ, cơ quan, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan. Ưu tiên lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai nhiệm vụ được giao.

5. TĂNG CƯỜNG XỬ LÝ, NGĂN CHẶN CÓ HIỆU QUẢ TÌNH TRẠNG NHỮNG NHIỀU, GÂY PHIỀN HÀ CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, ở nhiều ngành, nhiều cấp vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức vì động cơ vụ lợi đã lợi dụng vị trí công tác; lợi dụng kẽ hở về cơ chế, chính sách, pháp luật của một bộ phận người dân để sách nhiễu, gây phiền hà, kéo dài thời gian giải quyết công việc, giải quyết không đúng quy định, không công bằng, không khách quan khi giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã gây bức xúc, làm xói mòn lòng tin của người dân, doanh nghiệp, cản trở sự phát triển kinh tế-xã hội. Vì vậy, ngày 22/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban

hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Để chấn chỉnh, khắc phục tình trạng trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương thực hiện ngay các giải pháp sau: tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đổi mới công nghệ quản lý; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng, phát huy vai trò trách nhiệm của xã hội trong phòng chống tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xây dựng cơ chế giám sát, phát hiện vi phạm.

Đặc biệt, Thủ tướng yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, bỏ ngay các thủ tục không cần thiết, rườm rà; sau khi tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính theo quy định, không được yêu cầu doanh nghiệp, người dân bổ sung hồ sơ, tài liệu quá 01 lần. Tại những nơi thường xuyên tiếp xúc, giao dịch với người dân, doanh nghiệp có giám sát

bằng công nghệ hiện đại như ghi âm, ghi hình, giám sát trực tuyến.

6. KIẾN QUYẾT THU HỒI CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHẬM, ĐẤT ĐỀ HOANG

Do sự phát triển của thị trường bất động sản vẫn còn chưa thực sự bền vững, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, cơ cấu hàng hóa bất động sản chưa hợp lý, giá cả hàng hóa bất động sản từ khâu quy hoạch, lựa chọn, thực hiện dự án đến giao dịch bất động sản còn chưa đồng bộ, đầy đủ, thiếu tin cậy, thiếu minh bạch, ngày 23/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

Nhằm khắc phục những yếu kém, tồn tại và tiếp tục thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định và lành mạnh trong thời gian tới, Thủ tướng yêu cầu Bộ Xây dựng hoàn thành dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản để trình các cấp có thẩm quyền xem xét theo đúng chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội: bổ sung chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có khó khăn về nhà ở và khắc phục các tồn tại, bất cập khác cho phù hợp với tình hình thực tế. Bộ Xây dựng cần ban hành sửa đổi, bổ sung quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng đối với các loại hình nhà ở chung cư, công trình căn hộ du

lich (condotel), biệt thự du lịch (resort villa), văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn (officetel); nhà trọ, phòng trọ cho thuê. Ban hành quy chế quản lý, vận hành loại hình công trình văn phòng kết hợp lưu trú ngắn hạn (officetel), hoàn thành trong Quý III/2019.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện kịp thời, nghiêm túc các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản; theo dõi, nắm bắt thông tin, tình hình diễn biến của thị trường và thực hiện các biện pháp xử lý kịp thời để bình ổn thị trường, không để xảy ra tình trạng sốt giá và bong bóng bất động sản trên địa bàn; đánh giá, lập, điều chỉnh bổ sung Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa

phương. Tiến hành kiểm tra, rà soát các dự án bất động sản đã có quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Chi thị này được ban hành, đặc biệt là các dự án bất động sản nhà ở cao cấp để xử lý theo hướng sau: Đối với các dự án không triển khai, để đất hoang hóa hoặc triển khai chậm thì kiên quyết thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với các dự án bất động sản nhà ở trung, cao cấp đang tồn kho hoặc chủ đầu tư có nhu cầu điều chỉnh quy mô căn hộ sang phân khúc bình dân hoặc làm nhà ở xã hội thì cần giải quyết ngay thủ tục cho phép chuyển đổi, hoàn thành trong Quý III/2019; có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án nhà ở xã hội, các dự án nhà ở phân khúc bình dân, giá thấp đang gặp khó khăn trên phạm vi địa bàn.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. QUY ĐỊNH VỀ XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG MÊ-HI-CÔ

Ngày 19/4/2019, Bộ Công thương ban hành Thông tư số 07/2019/TT-BCT quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là CPTPP). Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/6/2019 quy định về hạn ngạch thuế quan và hệ thống giám sát hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô theo CPTPP áp dụng

với thương nhân và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô như sau: Bộ Công thương cấp chứng thư xuất khẩu cho lô hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô đối với các trường hợp được quy định, chứng thư xuất khẩu có giá trị trong 05 năm được cấp; chứng thư xuất khẩu được cấp tự động cho các lô hàng đã xuất khẩu; chứng thư xuất khẩu được cấp

theo phương thức trừ lùi lượng hạn ngạch thuế quan trên hệ thống điện tử theo nguyên tắc nộp trước được giải quyết trước cho đến khi lượng hạn ngạch thuế quan được cấp hết, thời gian tiếp nhận hồ sơ được tự động cập nhật trên hệ thống điện tử của Bộ Công thương; Bộ Công thương công bố công khai số lượng, khối lượng hạn ngạch thuế quan trên Hệ thống điện tử của Bộ Công thương; thương nhân có nhu cầu hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định có trách nhiệm theo dõi hạn ngạch thuế quan hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô trên hệ thống điện tử để nộp hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu theo quy định.

Cụ thể, Hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu bao gồm: đơn đăng ký Chứng thư xuất khẩu; Chứng thư xuất khẩu đã khai hoàn chỉnh theo hướng dẫn; tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan. Thương nhân khai báo hồ

sơ đề nghị cấp Chứng thư xuất khẩu theo mẫu qua Hệ thống điện tử của Bộ Công thương tại địa chỉ: <http://www.ecosys.gov.vn>. Trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo trên hệ thống điện tử kết quả xét duyệt hồ sơ như sau: trường hợp đáp ứng cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công thương thông báo cho thương nhân qua hệ thống điện tử và trả Chứng thư xuất khẩu qua bưu điện hoặc trả trực tiếp theo đăng ký trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận; trường hợp không cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công thương thông báo và nêu rõ lý do trên hệ thống điện tử (đối với hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, thời hạn nộp lại là 02 ngày kể từ khi thương nhân nhận được thông báo; nếu quá hạn hệ thống điện tử sẽ tự động hủy bỏ hồ sơ này).

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH MỨC NƯỚC TƯƠNG ỨNG VỚI CÁC CẤP BÁO ĐỘNG LŨ TRÊN CÁC SÔNG THUỘC PHẠM VI CẢ NƯỚC

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang lấy ý kiến về dự thảo Quyết định quy định mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước.

Quyết định này quy định mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các trạm thủy văn trên các sông phục vụ hoạt động phòng, chống, ứng phó với lũ, ngập lụt và phát triển kinh tế-xã hội.

Theo đó, cấp báo động lũ là sự phân định cấp độ của lũ. Mỗi cấp độ lũ được xác định thông qua một giá trị mức nước tương ứng quy định tại

các vị trí đo trên sông, suối, phản ánh mức độ nguy hiểm của lũ cũng như mức độ ngập lụt do lũ gây ra. Cấp báo động lũ được phân thành ba cấp theo mức độ tăng dần của mực nước lũ, làm cơ sở cho việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong công tác phòng, chống, ứng phó với lũ, ngập lụt; được xác định căn cứ vào đặc điểm, độ lớn mực nước lũ và mức độ tác động của lũ lụt đến đời sống, bờ sông, công trình và dân sinh, kinh tế-xã hội trên khu vực.

Báo động cấp I là khi có khả năng xảy ra lũ, được phản ánh thông qua mực nước trong sông, suối dâng cao, bắt đầu gây ngập ở các vùng đất thấp và đe dọa các phần bờ cao như: tại Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Bắc-sông Đà, Hòa Bình là 20.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc-sông Thao, Lào Cai là 80.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Đông Bắc-sông Luộc, Chanh Chử là 2.5m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực đồng bằng Bắc Bộ-sông Hồng, Hà Nội là 9.5m...

Báo động cấp II là khi tình trạng lũ nguy hiểm, được phản ánh thông qua mực nước trong sông, suối tiếp tục dâng cao, gây ngập lụt tại những vùng bằng phẳng, trù những thị trấn và thành phố được bảo vệ trước sự tấn công của nước lũ; tốc độ dòng chảy trong sông lớn gây nguy hiểm cho bờ sông và làm

xói lở đê; chân cầu có nguy cơ bị nguy hiểm do xói lở như: tại Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Bắc-sông Đà, Hòa Bình là 21.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc-sông Thao, Lào Cai là 82.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Đông Bắc-sông Luộc, Chanh Chử là 3.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực đồng bằng Bắc Bộ-sông Hồng, Hà Nội là 10.5m...

Báo động cấp III là khi tình trạng lũ rất nguy hiểm, được phản ánh thông qua mực nước trong sông, suối đã dâng lên rất cao, tất cả các vùng đất thấp đều đã bị ngập, kể cả những vùng đất thấp nằm trong thành phố; sự an toàn của các đê bảo vệ ven sông đang bị đe dọa; bắt đầu có sự thiệt hại về cơ sở hạ tầng như: tại Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Bắc-sông Đà, Hòa Bình là 22.0m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc-sông Thao, Lào Cai là 83.5m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Đông Bắc-sông Luộc, Chanh Chử là 3.5m, Đài Khí tượng thủy văn khu vực đồng bằng Bắc Bộ-sông Hồng, Hà Nội là 11.5m...

Căn cứ vào nhu cầu công tác phòng, chống, ứng phó với lũ, ngập lụt tại địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và ban hành mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ đối với các sông, suối khác trên địa bàn quản lý. Bộ Tài nguyên

và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và sử dụng mức báo động lũ tại các trạm thủy văn; tiếp nhận thông tin phản hồi về việc sử dụng cấp báo động lũ; định kỳ 5 năm, tổ chức rà soát, đánh

giá việc sử dụng mực nước tương ứng với cấp báo động lũ quy định tại Quyết định này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung danh sách các trạm thủy văn được quy định cấp báo động lũ và mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ cho phù hợp với thực tế.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Xin hỏi, hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý bao gồm những gì?

Trả lời: Theo Điều 29 Luật số 11/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 về trợ giúp pháp lý có quy định rõ khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu phải nộp hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, gồm có: đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

2. Hỏi: Quy trình nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý như thế nào?

Trả lời: Điều 29 Luật số 11/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 về trợ giúp pháp lý có quy định việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định

tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn;

Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

3. Hỏi: *Những trường hợp nào không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý?*

Trả lời: Theo Điều 37 Luật số 11/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 về trợ giúp pháp lý có quy định về việc trợ giúp pháp lý không được tiếp tục thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: trường hợp phải từ chối theo quy định (yêu cầu trợ giúp pháp lý có nội dung trái pháp luật, người được trợ giúp pháp lý đã chết...); người được trợ giúp pháp lý thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm (xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người thực hiện pháp lý; cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sau sự thực...); người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

4. Hỏi: *Người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại đối với những hành vi nào?*

Trả lời: Theo Điều 45 Luật số 11/2017/QH14 Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 về trợ giúp pháp lý có quy định người được trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại đối với hành vi sau đây của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình: từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật./.